

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: **45**/2021/HSST

Ngày: 22 -9-2021.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mai.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Y Nik Êban và bà Nguyễn Thị Tuyết.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Y Kăn Niê, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Tất Tại - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 39/2021/TLST – HS ngày 04 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2021/QĐXXST-HS ngày 7 tháng 9 năm 2021 đối với bị cáo: **Trần Thanh N**, sinh năm: 1996 tại: huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Thôn 6, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 7/12; con ông Trần D (đã chết) và con bà Tạ Thị H, sinh năm: 1956; bị cáo chưa có vợ con; tiền sự: Không; tiền án: Có 01 tiền án, ngày 28/11/2018, bị Tòa án nhân dân huyện K xử phạt 10 tháng tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 01 năm 06 tháng tù, về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt

tài sản”. Ngày 18/10/2020, chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xoá án tích. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Người bị hại: Ông Võ Đức N, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Thôn 6, xã P, huyện G, tỉnh Đắk Lắk – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người làm chứng: Bà Tạ Thị H, sinh năm: 1956 – Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 6, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 13/03/2021, ông Võ Đức N và Trần Thanh N thuê nhà trọ tại thôn 7, thị trấn N, huyện K, để ở và cùng nhau đi mua cây gỗ vườn trên địa bàn huyện K về bán lại cho các lò than. Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 15/03/2021, sau khi đi mua cây gỗ ông Võ Đức N cùng với N về nghỉ ngơi tại nhà trọ thuộc thôn 7, thị trấn N; trước khi ngủ, ông Võ Đức N có để 01 ví da màu nâu, bên trong có số tiền 16.200.000đ trong túi quần đang mặc trên người. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, N tỉnh dậy để đi uống nước thì nhìn thấy ví của ông Võ Đức N rơi ra nền nhà cạnh vị trí ông Võ Đức N nằm ngủ nên nảy sinh ý định lấy trộm tài sản có trong ví. N đi đến mở ví lấy số tiền 16.200.000đ đem ra cất giấu ở bụi chuối gần nhà trọ; giấu tiền xong, N quay lại phòng trọ đi vào phòng giả vờ nằm ngủ. Khoảng 30 phút sau, N gọi ông Võ Đức N dậy nói “sao ví tiền của anh lại vớt dưới bếp”, ông Võ Đức N đi ra kiểm tra thì thấy ví của mình ở góc cửa xuống bếp, kiểm tra ví thì không thấy số tiền 16.200.00đ để trong ví nữa. Sau đó, ông Võ Đức N và N đã đến trình báo sự việc tại Công an thị trấn N, huyện K.

Đến 07 giờ ngày 16/3/2021, N mượn xe máy của ông Võ Đức N, lấy số tiền đã trộm cắp được đưa về nhà mình ở thôn 6, xã N cất giấu trên bàn thờ rồi quay lại

nhà trọ thấy Công an đến làm việc thì N đã khai nhận hành vi trộm cắp của ông Võ Đức N số tiền 16.200.000đ (Mười sáu triệu hai trăm nghìn đồng chẵn).

Bản cáo trạng số: 43/CT – VKS ngày 02/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk đã truy tố bị cáo Trần Thanh N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa bị cáo Trần Thanh N thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng số 43/CT – VKS ngày 02/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk đã công bố, cũng như lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và không có ý kiến gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố bị cáo Trần Thanh N phạm tội “ Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của BLHS xử phạt bị cáo Trần Thanh N từ 01 (Một) năm đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù.

- Về hình phạt bổ sung: Không.

Các Biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Về vật chứng vụ án: Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện huyện K đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 10 ngày 26/5/2021 trả lại số tiền 16.200.000đ cho ông Võ Đức N là chủ sở hữu hợp pháp.

- Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại ông Võ Đức N đã nhận lại số tiền 16.200.000đ, không yêu cầu bị cáo Trần Thanh N phải bồi thường về dân sự và có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo N.

Bị cáo Trần Thanh N không tranh luận gì với quan điểm của Viện kiểm sát và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố bị cáo của cơ quan điều tra huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk các điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại (khai tại cơ quan điều tra), phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có lưu trong hồ sơ vụ án là hoàn toàn thực tế khách quan. Do đó, đã có đủ cơ sở để xác định: Vào ngày 15/03/2021 bị cáo Trần Thanh N đã có hành vi trộm cắp của ông Võ Đức N số tiền 16.200.000đ. Như vậy, đã có đủ cơ sở pháp lý để chứng minh hành vi của bị cáo Trần Thanh N phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

Xét hành vi của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của ông Võ Đức N trái pháp luật. Ngoài ra hành vi của bị cáo còn làm ảnh hưởng đến trật tự xã hội tại địa phương.

Về ý thức: Bị cáo là công dân đủ tuổi trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi và hoàn toàn nhận thức được tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác là trái pháp luật, hành vi đó sẽ bị pháp luật trừng trị nghiêm khắc. Song xuất phát từ ý thức xem thường pháp luật, xem thường tài sản của người khác, chỉ vì mục đích tư lợi cá nhân, muốn có tiền tiêu xài nhưng lại không muốn bỏ sức lao động nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Ngoài ra bị cáo còn có nhân thân xấu: Có một tiền án, ngày 28/11/2018 bị Tòa án nhân dân huyện K xử phạt 10 tháng tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 01 năm 06 tháng tù, về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, đến ngày 18/10/2020 bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xóa án tích. Đáng lẽ ra bị cáo coi đó làm bài học để cảnh tỉnh cho bản thân nhưng bị cáo vẫn tiếp tục lao vào con đường phạm tội thể hiện tính coi thường pháp luật. Vì vậy, cần áp dụng tình tiết tăng nặng “Tái phạm” được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự để xem xét trong quá trình lượng hình đối với bị cáo. Với tính chất hành vi phạm tội và phần nhân thân của bị cáo nêu trên, HĐXX xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục bị cáo, đồng thời góp phần răn đe phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; bị hại có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; gia đình bị cáo là người có công Cách mạng, bố bị cáo ông Trần D là quân nhân tham gia kháng chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong Quân đội theo Quyết định số 168/QĐ –BTL ngày 31/12/2011 của Bộ tư lệnh Quân khu 5 – Bộ Quốc phòng. Do vậy, HĐXX căn cứ điểm h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của BLHS để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta.

[4] Các Biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

[4.1] Về vật chứng vụ án: Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại số tiền 16.200.000đ cho người bị hại ông Võ Đức N là chủ sở hữu, do đó HĐXX không đề cập để giải quyết.

[4.2] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại ông Võ Đức N đã nhận lại số tiền 16.200.000đ, không yêu cầu bị cáo Trần Thanh N phải bồi thường về dân sự và có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo N nên HĐXX không đề cập để giải quyết.

[5] Đối với bà Tạ Thị H (là mẹ bị cáo Trần Thanh N), việc Trần Thanh N trộm cắp số tiền 16.200.000đ mang về cất giấu trên bàn thờ nhà bà H nhưng bà H không biết và N cũng không nói cho bà H biết về nguồn gốc số tiền trên, nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với bà Tạ Thị H là có căn cứ.

[6] Xét thấy đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K thực hành quyền công tố tại phiên tòa, đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Trần Thanh N phạm tội “Trộm cắp tài sản”; phần trách nhiệm hình sự; phần xử lý vật chứng là có căn cứ đúng pháp luật nên HĐXX chấp nhận toàn bộ quan điểm của Viện kiểm sát.

[7] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Trần Thanh N phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Thanh N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Trần Thanh N 01 (Một) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt thi hành án.

- Các biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

+ Về vật chứng vụ án: Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện huyện K đã trả lại số tiền 16.200.000 đồng cho ông Võ Đức N là chủ sở hữu hợp pháp.

+ Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Võ Đức N không yêu cầu bị cáo Trần Thanh N bồi thường gì thêm về phần trách nhiệm dân sự nên không đề cập để giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Trần Thanh N phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo Trần Thanh N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại ông Võ Đức N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện E;
- THAHS huyện E;
- Chi cục Thi hành án huyện E;
- CQCSĐT Công an huyện E;
- Bị cáo; Người bị hại;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, V.P

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Thị Mai

